TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HS-ST
Ngày: 19 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững;

Ông Nguyễn Văn Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Kiệt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa sơ thẩm công khai trực tiếp xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Minh L (Minh T)**, sinh ngày 20/4/1988, tại Đồng Tháp; nơi thường trú: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1960 và bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1963; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ tên: Huỳnh Thị Diễm N, sinh năm 1991 (chưa đăng ký kết hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2017; tiền án: Ngày 24/8/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09/02/2013, chấp hành xong việc nộp án phí

nhưng chưa chấp hành nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xử phạt 02 năm 06 tháng tù, bị cáo cáo chấp hành xong án phạt tù vào ngày 11/12/2015 và các quyết định khác của bản án nên đã được xóa án tích; tạm giữ: Từ ngày 14/3/2024 đến ngày 23/3/2024; tạm giam: Ngày 20/5/2024; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

Anh **Nguyễn Phước K**, sinh năm 1989; (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm 1989; (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Huỳnh Thị Diễm N**, sinh năm 1991; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

** Người làm chứng:*

Chị **Xin Thị H**, sinh năm 2002; (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1983; (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh **Lê Hoài T**, sinh năm 1984; (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1968; (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 11, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Minh L đã hai lần phạm tội trộm cắp tài sản vào các năm 2011 và năm 2013; trong đó, lần phạm tội năm 2011, bị cáo L chưa được xóa án tích do chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự trong vụ án.

Vào khoảng 15 giờ ngày 14/3/2024, trong lúc bị cáo L điều khiển xe mô tô biển số 66F1-182.67 từ nhà bị cáo thuê để sống như vợ chồng cùng với Huỳnh Thị Diễm N ở ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đi đến đoạn đường phía trước nhà của vợ chồng anh Nguyễn Phước K, chị Lê Thị Ngọc T thuộc khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì phát hiện nhà anh K khóa cửa, không người trông giữ. Bị cáo L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong nhà của anh K nên điều khiển xe qua khỏi dừng cách nhà khoảng 100m rồi đi vòng ra phía sau, đến khu vực lối cửa ra vào, cắt rách lưới rào, dùng tay mở chốt cửa phía sau đột nhập vào bên trong nhà.

Bị cáo L quan sát, lục soát tìm kiếm tài sản ở nhiều nơi bên trong nhà để lấy trộm. Từ những tài liệu chứng cứ thu thập được như đoạn video bên trong nhà anh K ghi lại hình ảnh L lục tìm tài sản, lời khai nhận của bị cáo, lời khai người bị hại, người làm chứng về nguồn gốc tài sản và vật chứng đã thu giữ, mặc dù bị cáo L chỉ thừa nhận lấy trộm được những món trang sức (gồm vàng và vàng giả) mà Cơ quan điều tra đã thu giữ được, tuy nhiên có cơ sở để khẳng định bị cáo L đã lấy trộm được các tài sản ở các vị trí như sau bên trong nhà anh K:

Trong tủ nhựa 06 ngăn đặt cạnh cửa buồng, tại ngăn tủ trên cùng, L kéo mở ngăn tủ lấy được một hộp màu vàng bên trong có 01 chiếc nhẫn em bé mặt vuông bị mốp có trọng lượng 0,05 chỉ, vàng 18kara trị giá 215.000 đồng.

Tại tủ nhôm đặt ở nhà trước, L dùng tua vít chuẩn bị từ trước cạy khóa, mở tủ lấy được 02 chiếc vòng đeo tay, 01 nhẫn đính hột màu trắng bằng kim loại màu vàng (vàng giả), tổng trị giá 90.000 đồng.

Trong túi xách có hoa văn, viền màu đỏ trong tủ nhôm, lấy được 01 đôi bông tai hình bông mai có kiểu dây thòng xuống, vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ trị giá 6.750.000 đồng; 02 nhẫn trơn vàng 24kara trọng lượng 03 chỉ (01 chiếc 02 chỉ và 01 chiếc 01 chỉ) trị giá 19.050.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo L trộm được là 26.105.000 đồng (Giá trị tài sản nêu trên được xác định bởi các Kết luận định giá tài sản số 10/KLĐG, số 11/KLĐG cùng ngày 20/3/2024, số 13/KLĐG ngày 05/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười).

Đối với tài sản là 01 chiếc vòng và 01 nhẫn có hột màu trắng (vàng giả), ngay sau khi trộm được bị cáo L đem về nhà đưa cho Huỳnh Thị Diễm N xem,

sau đó N bỏ vào túi quần của L treo trên vách, Cơ quan điều tra đã khám xét và thu giữ; 01 chiếc vòng (vàng giả) bị cáo L cho chị Xin Thị H vào lúc khoảng 17 giờ cùng ngày 14/3/2024, chị H đã giao nộp lại; 01 nhẫn em bé có mặt vuông chị N tìm thấy bên trong nhà nên giao nộp; các tài sản còn lại Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định đoạn video ghi lại hình ảnh L vào nhà anh K lấy trộm tài sản, kết quả: tại Kết luận giám định số 939/KL-KTHS ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Tệp dữ liệu video có tên: "Cam trộm khóm 3.mp4" được lưu trong đĩa DVD gửi giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung hình ảnh. Đã trích xuất hình ảnh của đối tượng trong tệp dữ liệu video lưu trong đĩa DVD gửi giám định trong khoảng thời gian 16:24:25 đến 16:25:50 ngày 14/3/2024 và in ra bản ảnh.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Khám xét nhà thuê của bị cáo Huỳnh Minh L tạm giữ:

+ 01 quần sọt jean nam màu trắng xanh, có nhiều vết rách phía trước và phía sau, 01 áo thun nam màu xanh, phía trước có chữ màu trắng là trang phục L mặc lúc thực hiện hành vi phạm tội.

+ 01 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng được chứa trong túi nylon có nắp kẹp có viền màu đỏ, cả hai được gói lại trong tờ giấy ăn màu trắng là tài sản L lấy được tại nhà anh K.

- Bị cáo Huỳnh Minh L giao nộp:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của L.

+ 01 nón lưỡi trai màu đỏ, trên nón gần vành lưỡi trai phía bên trái có họa tiết màu đen và chữ "SPORTING" màu trắng; trên vành lưỡi trai bên trái có họa tiết màu đen, đã qua sử dụng, 01 mũ bảo hiểm, loại nón sơn, màu xanh, đã qua sử dụng, 01 đôi dép quai ngang, quai dép màu trắng, trên quai dép có chữ GIVENCHY màu vàng, đế dép màu đen, đã qua sử dụng (L đội, mang trên người lúc thực hiện hành vi phạm tội).

+ 01 xe mô tô biển số 66F1-182.67, hiệu Sirius, màu xanh đen, đã qua sử dụng, 01 tua vít, đầu dẹp có tay cầm màu đen, đã qua sử dụng, 01 cây kiềm có hai tay cầm màu nâu, đã quả sử dụng, 01 cây kiềm có hai tay cầm màu đỏ, mũi

kiềm nhọn, đã qua sử dụng. Đây là phương tiện, công cụ L sử dụng để thực hiện tội phạm). Đối với xe mô tô biển số 66F1-182.67 là tài sản của chị Huỳnh Thị Diễm N mua của anh Nguyễn Phú C nhưng chưa sang tên. N sống chung như vợ chồng với bị cáo L nên cả hai sử dụng chung xe mô tô này. Việc L sử dụng xe làm phương tiện để đi trộm tài sản của người khác chị N không biết.

- Chị Xin Thị H giao nộp: 01 (một) chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng.

- Chị Huỳnh Thị Diễm N giao nộp: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, bị móp (nhẫn em bé).

- Anh Nguyễn Phước K giao nộp:

+ 01 đĩa Maxell DVD-R có chứa 01 tập tin video được lưu tên: Cam trộm khóm 3, size 89,7 MB.

+ 01 (một) hóa đơn bán vàng của Doanh nghiệp tư nhân – tiệm vàng K Tháp Mười (Kim Thạnh 3). Trên hóa đơn có ghi: Tên món hàng nhẫn trơn; vàng 24K; cân nặng 2C.50 x 5.100; tiền công 12.750.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại K, T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền là 25.800.000 đồng. Bị cáo đồng ý nhưng cho rằng không có tài sản để bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 57/CT-VKSTM ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định truy tố bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) ra Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên, giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng, khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo đã gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo và quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) phạm tội "Trộm cắp tài sản";

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) hình phạt từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

- Bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) đồng ý xét xử vắng mặt đối với bị hại Nguyễn Phước K và những người làm chứng, thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo là bị cáo cho rằng bản thân chỉ lấy trộm được 01 chiếc nhẫn em bé mặt vuông bị mốp có trọng lượng 0,05 chỉ vàng 18k, 02 chiếc vòng đeo tay và 01 nhẫn đính hột màu trắng bằng kim loại màu vàng (vàng giả), bị cáo không có lấy số vàng thật còn lại nêu trong Cáo trạng. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 25.800.000 đồng theo yêu cầu của bị hại.

- Bị hại Nguyễn Phước K vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra, truy tố và theo đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại K yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt số tiền là 25.800.000 đồng.

- Bị hại Lê Thị Ngọc T đồng ý xét xử vắng mặt đối với bị hại Nguyễn Phước K và những người làm chứng. Tại phiên tòa, bị hại T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt số tiền là 25.800.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Diễm N đồng ý xét xử vắng mặt đối với bị hại Nguyễn Phước K và những người làm chứng. Chị N xác định việc bị cáo sử dụng xe làm phương tiện để đi trộm tài sản của người khác thì chị N không biết; đồng thời, đối với tài sản lấy trộm mà bị cáo đưa cho chị N thì chị N không biết là do trộm cắp mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Nguyễn Phước K và những người làm chứng. Tuy nhiên, xét thấy đã có đầy đủ lời khai của những người này trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng trong vụ án có mặt tại phiên tòa hôm nay cũng đồng ý xét xử vắng mặt đối với những người này; do đó, sự vắng mặt của họ

không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) thừa nhận hành vi đã thực hiện như bản Cáo trạng đã nêu. Tuy bị cáo không thừa nhận có lấy trộm số vàng thật của bị hại nhưng xét thấy lời khai của các bị hại và người làm chứng về nguồn gốc tài sản cùng với vật chứng đã thu giữ trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo đã lấy trộm tài sản có tổng giá trị là 26.105.000 đồng; bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ thể lực và trí lực nhận thức hành vi của mình; bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật mà vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm….".

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại một cách trái phép. Quyền sở hữu về tài sản là khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi trái phép xâm phạm đến, nhưng vì bản chất lười biếng, với ý thức xem thường pháp luật, muốn mau chóng có tiền mà không phải bỏ ra công sức lao động hợp pháp, bị cáo đã lợi dụng nhà của bị hại khóa cửa, không người trông giữ đã lén lút thực hiện hành vi lấy trộm trang sức (gồm vàng và vàng giả) nhằm mục đích bán tiêu

xài cá nhân. Hành vi này không những vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong việc quản lý, bảo vệ tài sản trong nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như hôm nay là cần thiết, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Không có.

[6] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng nay lại tiếp tục thực hiện hành vi này nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng bị kết án vào năm 2013 nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

[7] Cáo trạng số: 57/CT-VKSTM ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Phước K và Lê Thị Ngọc T yêu cầu bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) bồi thường số tiền 25.800.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của các bị hại. Xét thấy sự tự thỏa thuận bồi thường này giữa các bên là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là đúng với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với chị Huỳnh Thị Diễm N và chị Xin Thị H không biết tài sản bị cáo L đưa cho là do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[11] Ngoài các tài sản đã chứng minh được bị cáo lấy trộm như đã nêu trên, các bị hại khai còn mất các tài sản là vàng trang sức thật khác nhưng không khai rõ được nguồn gốc tài sản, với những chứng cứ đã thu thập, không có cơ sở

để xác định bị cáo có lấy trộm các tài sản khác theo lời khai của người bị hại nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[12] Đối với chị Huỳnh Thị Diễm N không biết bị cáo lấy xe để đi trộm tài sản của người khác nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[13] Về án phí: Bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) bị kết tội và phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, bị cáo không thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 11 và không thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm cùng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự được quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/5/2024, được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/3/2024 đến ngày 23/3/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) bồi thường cho bị hại Nguyễn Phước K và Lê Thị Ngọc T số tiền 25.800.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải bồi thường cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 tua vít, đầu dẹp có tay cầm màu đen, đã qua sử dụng, 01 cây kiềm có hai tay cầm màu nâu, đã qua sử dụng; 01 cây kiềm có hai tay cầm màu đỏ, mũi kiềm nhọn do không còn giá trị sử dụng; 01 quần sọt jean nam màu trắng xanh, có nhiều vết rách phía trước và phía sau; 01 áo thun nam màu xanh, phía trước có chữ màu trắng; 01 nón lưỡi trai màu đỏ, trên nón gần vành lưỡi trai phía bên trái có họa tiết màu đen và chữ màu trắng, trên vành lưỡi trai bên trái có họa tiết màu đen, đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm, loại nón sơn, màu xanh, đã qua sử dụng; 01 đôi dép quai ngang, quai dép màu trắng, trên quai dép có chữ màu vàng, đế dép màu đen, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị hại Nguyễn Phước K, Lê Thị Ngọc T: 02 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng (là vàng giả); 01 chiếc nhẫn em bé bằng vàng 18kara, trọng lượng 0,05 chỉ, bị móp.

Trả lại cho chị Huỳnh Thị Diễm N 01 xe mô tô biển số 66F1-182.67, hiệu Sirius, màu xanh đen, đã qua sử dụng.

Tiếp tục quản lý của bị cáo L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 19/9/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 hóa đơn bán vàng của Doanh nghiệp tư nhân – tiệm vàng K Tháp Mười (K 3), trên hóa đơn có ghi: Tên món hàng nhẫn trơn; vàng 24K; cân nặng 2C.50 x 5.100; tiền công 12.750.000đ; 01 đĩa Maxell DVD-R có chứa 01 tập tin video được lưu tên: Cam trộm khóm 3, size 89,7 MB.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.290.000 đồng (Một triệu, hai trăm, chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Huỳnh Minh L (Minh T), bị hại Lê Thị Ngọc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Diễm N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại Nguyễn Phước K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CQ CSĐT CA huyện Tháp Mười;
- CC THADS huyện Tháp Mười;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA, VPTA (Linh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Diệu